

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH PHÚ YÊN**

Bản án số: 31/2024/HSST  
Ngày: 20-3-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH PHÚ YÊN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Lê Thị Đông Nguyệt.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Đức Vũ Tài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/03/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

**1/ Nguyễn Đức D**, sinh năm 1998 tại Phú Yên; ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: **Khu phố L, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên**; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Cha: **Nguyễn Văn D1**, sinh năm 1967; Mẹ: **Văn Thị L**, sinh năm 1972; Tiền án: - Ngày 15/11/2018 bị Toà án nhân dân huyện Đông Hoà, tỉnh Phú Yên xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự, chấp hành xong ngày 13/4/2019; - Ngày 19/11/2020, bị Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự, chấp hành xong ngày 25/9/2022; Tiền sự: không; Nhân thân: - Ngày 23/6/2016 bị Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; - Ngày 15/8/2016 bị Toà án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; - Ngày 11/12/2014 bị **Công an phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên** xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”; - Ngày 23/10/2015 bị **Công an thành phố T** xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”; - Ngày 30/10/2017 bị **Công an thành phố T** xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “Đánh nhau”; - Ngày 23/10/2015 bị **Công an thành phố T** xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi “Đánh nhau”; - Ngày 30/01/2018 bị **Công an phường I, thành phố T** xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; - Ngày 03/5/2018 bị **Công an phường I, thành phố T** xử phạt cảnh cáo về hành vi “Gây mất trật tự khu dân cư”; - Ngày 16/01/2020 bị **Công an thành**

**phố T** xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2023 tại Nhà tạm giữ **Công an huyện P**, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**2/ Huỳnh Ngọc V**, sinh năm 1999 tại Phú Yên; ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: **Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên**; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Cha: **Huỳnh Văn H**, sinh năm 1970; Mẹ: **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1970; Tiền án: - Ngày 24/11/2019 bị Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự; - Ngày 14/02/2020 bị Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự; - Ngày 27/02/2020 bị Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên xử phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/01/2022; Tiền sự: Ngày 30/01/2023 bị **Công an xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên** xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã nộp phạt ngày 31/01/2023; Nhân thân: Ngày 11/02/2015 bị Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà xử phạt 01 (một) năm tù tội “Cướp giật tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2023 tại Nhà tạm giữ **Công an thành phố T**, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**3/ Huỳnh Đại N**, sinh năm 2003 tại Phú Yên; ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: **Thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên**; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Cha: **Huỳnh Văn H**, sinh năm 1968; Mẹ: **Bùi Thị Tuyết M**, sinh năm 1970; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2023 tại Nhà tạm giữ **Công an huyện T**, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- **Công ty TNHH X**; Địa chỉ: **G L, khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên**.

Người đại diện theo pháp luật: bà **Huỳnh Thị Hằng N1**, sinh năm 1988; Địa chỉ: **khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên**.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Huỳnh Trần K**, sinh năm 1955, chức danh: quản lý và điều hành **Khách sạn T2**; Địa chỉ: **C Khu V, phường G, Tp T, tỉnh Phú Yên** theo giấy ủy quyền số 01/GUQ-LPĐ ngày 22/01/2018 của bà **Huỳnh Thị Hằng N2**. Vắng mặt.

- **Nguyễn Ngọc H1**, sinh năm 1996; Địa chỉ: **Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên**. Vắng mặt.

**\* Người làm chứng:**

- **Đỗ Thanh N3**, sinh năm 2005; Địa chỉ: **Khu phố T, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên**. Vắng mặt.

- **Lê Thị P**, sinh năm 1998; Địa chỉ: **Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên**. Vắng mặt.

- **Trần Thị Mỹ L1**, sinh năm 1996; Địa chỉ: **Tổ F, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai**. Có mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 14 giờ ngày 19/6/2023, **Huỳnh Ngọc V** đang cùng bạn gái là **Trần Thị Mỹ L1** ở phòng 201 **khách sạn T2 ở phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên** thì **V** nảy sinh ý định sử dụng ma túy, nhưng vì không có dụng cụ sử dụng nên **V** gọi điện thoại hỏi mượn **Nguyễn Đức D** cái nõ và rủ **D** cùng sử dụng ma túy, **D** đồng ý và rủ thêm **Huỳnh Đại N** cùng đi. Sau đó, **N** điều khiển xe chở **D** đến gặp **V**. **D** lấy cái nõ đưa cho **V** lắp ráp với chai nhựa tạo thành dụng cụ sử dụng ma túy đá. Lúc này, **V** lấy ra 01 bịch ma túy đá (**V** khai của một người tên **T1** không rõ lai lịch cho **V** vài ngày trước đó) đổ vào nõ, dùng quẹt ga khò rồi cùng với **D**, **N** sử dụng, thấy có vị đắng nên không sử dụng nữa. **V** bảo **D** gọi đặt mua ma túy khác về sử dụng, **D** đồng ý và gọi điện cho một người phụ nữ tên **N4** (không rõ lai lịch) đặt mua 02 bịch ma túy đá với giá 500.000 đồng và hẹn đến ngã ba **đường D - B** để giao nhận ma túy. Sau đó, **D** bảo **N** đi nhận ma túy, **N** đồng ý và đi đến địa điểm hẹn gặp một người phụ nữ và nhận 02 bịch ma túy đá mang về phòng 201 khách sạn Triều Dương đưa cho **D**. **D** lấy 01 bịch ma túy đá ra đổ vào cái nõ và dùng quẹt ga khò rồi cùng **V** và **N** sử dụng đến khoảng 15 giờ 30 phút thì **N** ra về.

Tiếp đến khoảng 16 giờ 15 phút cùng ngày, **D** và **V** bàn bạc thống nhất tiếp tục thuê phòng khác của **khách sạn T2** để sử dụng ma túy. **D** đưa căn cước công dân của **D** cho **V** thuê phòng 301. Sau đó, **D** và **V** đem ma túy và dụng cụ lên phòng 301 sử dụng ma túy đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì **Nguyễn Ngọc H1** gọi cho **D**. **D** bảo **V** nghe máy và nhắn địa chỉ cho **H1** đến cùng sử dụng ma túy. Hóa đến **khách sạn T2** cùng **D** và **V** sử dụng ma túy, đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với **D** và **V**.

Tại bản kết luận giám định số 269/KL-KTHS ngày 22/6/2023 của **Phòng K1 Công an tỉnh P** kết luận: Tinh thể màu nâu vàng mang đi giám định là ma túy Methamphetamine, có khối lượng 0,065g (*bút lục 127*).

Bản cáo trạng số 20/CT-VKSTH ngày 25/01/2024 của **Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên** truy tố các bị cáo **Nguyễn Đức D** về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm a, b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo **Huỳnh Ngọc V** về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo **Huỳnh Đại N** về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của các bị cáo gây ra, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Đức D**, **Huỳnh Ngọc V**, **Huỳnh Đại N** phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm a, b, h khoản 2 Điều 255;

điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức D** với mức án 10 năm đến 11 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/6/2023; Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Huỳnh Ngọc V** với mức án từ 09 năm đến 10 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/6/2023; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Huỳnh Đại N** với mức án từ 07 năm đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/6/2023; Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu tiêu hủy 0,040g ma túy Methamphetamine còn lại sau giám định đã được niêm phong; 01 chai nhựa trong suốt gắn nắp nhựa màu đỏ, bên trong có ống nhựa màu cam, trên nắp chai gắn 01 ống hút nhựa màu trắng và 01 nõ thủy tinh có bầu nõ hình cầu; 03 kéo kim loại, 01 bấm chỉ kim loại cán nhựa màu đỏ; 01 cây kim loại có đầu nhọn; 01 hộp màu xám có dây kéo; 01 bật lửa ga màu đỏ; 01 bật lửa ga màu xanh; 01 bật lửa ga màu trắng không có phần đầu quẹt; 01 bật lửa ga gãy phần đầu gắn ống kim loại; 01 đoạn ống nhựa có 01 đầu hàn, 01 đầu cắt xéo; 01 đoạn ống nhựa có 02 đầu bị cắt; 01 đoạn ống nhựa màu trắng bị xé rách; 01 đoạn ống nhựa có 01 đầu bị xé rách, 01 đầu hàn kín; Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone màu đỏ của **Nguyễn Đức D** vì đây là công cụ phạm tội; Trả lại cho bị cáo **Huỳnh Ngọc V** 01 điện thoại di động Iphone màu vàng đồng; **Nguyễn Ngọc H1** 01 điện thoại Iphone loại 6 Plus; **Nguyễn Đức D** 01 thẻ căn cước công dân số 054098006220 mang tên **Nguyễn Đức D**; **Huỳnh Đại N** 01 thẻ căn cước công dân số 054203005729 mang tên **Huỳnh Đại N** vì không liên quan đến tội phạm. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo **Nguyễn Đức D**, **Huỳnh Ngọc V**, **Huỳnh Đại N** đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố và không tranh luận gì thêm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng **Đỗ Thanh N3**, **Lê Thị P** vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người làm chứng **Trần Thị Mỹ L1** trình bày: Tôi là bạn gái của **Huỳnh Ngọc V**, ngày 19/6/2023 Tôi có thuê phòng 201 **Khách sạn T2** và ở cùng với **V**. Tuy nhiên, vì bản thân mệt và ngủ say nên không chứng kiến việc sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo **D**, **V**, **N** tại phòng 201 và phòng 301 **Khách sạn T2**.

Các bị cáo **Nguyễn Đức D**, **Huỳnh Ngọc V**, **Huỳnh Đại N** nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu hồ sơ trong vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an thành phố T**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết



định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đức D, Huỳnh Ngọc V, Huỳnh Đại N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Khoảng 14 giờ đến 16 giờ 15 phút ngày 19/6/2023, tại phòng số 201 khách sạn T2 ở phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên Nguyễn Đức D, Huỳnh Ngọc V và Huỳnh Đại N đã có hành vi tổ chức cho D, V, N sử dụng trái phép chất ma túy. Tiếp đến khoảng từ 16 giờ 20 phút đến 23 giờ 30 phút ngày 19/6/2023, tại phòng số 301 khách sạn T2 ở phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên Nguyễn Đức Duy, Huỳnh Ngọc V tiếp tục có hành vi tổ chức cho D, V và Nguyễn Ngọc H1 sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo D đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên hành vi của bị cáo D đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo V đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo N đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố các bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, HĐXX thấy rằng: [3.1] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý Nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bản thân các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, là nguyên nhân có thể gây ra nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Bị cáo D là người có nhân thân xấu nhiều lần bị xử phạt về tội trộm cắp tài sản và hành vi đánh nhau, có 02 tiền án, không có tiền sự. Bị cáo V là người có nhân thân xấu, có 03 tiền án và 01 tiền sự. Bị cáo Nghĩa là người có nhân thân tốt, không có tiền án và tiền sự. Lẽ ra các bị cáo phải chấp hành tốt các quy định của pháp luật nhưng vì mục đích thỏa mãn nhu cầu sử dụng cho bản thân, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét đến tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò và đặc điểm nhân thân của từng bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp.

[3.2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo: Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn.

Bị cáo **V** là người khởi xướng, chuẩn bị địa điểm, cung cấp ma túy, làm bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá để tổ chức cho bản thân cùng với **D**, **N** sử dụng trái phép chất ma túy tại Phòng số 201 khách sạn T2. Sau khi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại Phòng số 201 khách sạn T2, **V** cầm căn cước công dân của **D** đi làm thủ tục thuê Phòng số 301 Khách Sạn T, chuẩn bị dụng cụ, chất ma túy để tổ chức cho bản thân cùng với **D**, **H1** sử dụng trái phép chất ma túy nên mức hình phạt của bị cáo thấp hơn bị cáo **D** nhưng cao hơn bị cáo **N**.

Bị cáo **D** là người cung cấp dụng cụ sử dụng ma túy, cung cấp ma túy (mua 500.000 đồng ma túy đá) và rủ **N** để tổ chức cho bản thân cùng với **V** và **N** sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng số 201 khách sạn T2. Sau khi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng số 201 khách sạn T2, **D** là người khởi xướng và đưa căn cước công dân của **D** cho **V** thuê phòng số 301 khách sạn T2 để tổ chức cho bản thân cùng với **V** và **Nguyễn Ngọc H1** sử dụng trái phép chất ma túy nên mức hình phạt của bị cáo là cao hơn các bị cáo khác.

Đối với bị cáo **N**, sau khi bị cáo **D** đặt mua ma túy và nói **N** đi nhận ma túy thì **N** đồng ý đi nhận ma túy để tổ chức cho bản thân cùng với **D**, **V** sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng số 201 khách sạn T2 nên mức hình phạt của bị cáo là thấp hơn so với các bị cáo khác.

[3.3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo **D**, bị cáo **N** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo **V**: Ngày 27/02/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 03 bản án là 02 năm 09 tháng tù, chấp hành xong ngày 14/01/2022 nhưng chưa được xóa án tích nên lần phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3.4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo **D**, **V**, **N** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo. Riêng đối với bị cáo **N** do có cha ruột được Chủ tịch nước thưởng Huân chương chiến công hạng ba nên bị cáo **N** được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét mức hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với **Nguyễn Ngọc H1** là người tham gia cùng sử dụng trái phép chất ma túy với **D**, **V** nhưng không có vai trò trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên không đồng phạm và Cơ quan điều tra **Công an thành phố T** đã không truy tố là có căn cứ nên HĐXX không xét.

Đối với người phụ nữ tên **N4** mà bị cáo **D** khai bán ma túy cho bị cáo nhưng không xác định được rõ lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý.

Đối với người quản lý **Khách sạn T2** không biết các bị cáo thuê phòng để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra **Công an thành phố T** đã không truy tố là có căn cứ nên HĐXX không xét.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo chỉ vì thỏa mãn nhu cầu của cá nhân nên mới tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, không vì thu lợi bất chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng 0,040g ma túy Methamphetamine còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ; 01 chai nhựa trong suốt gắn nắp nhựa màu đỏ, bên trong có ống nhựa màu cam, trên nắp chai gắn 01 ống hút nhựa màu trắng và 01 nõ thủy tinh có bầu nõ hình cầu; 03 kéo kim loại, 01 bấm chỉ kim loại cán nhựa màu đỏ; 01 cây kim loại có đầu nhọn; 01 hộp màu xám có dây kéo; 01 bật lửa ga màu đỏ; 01 bật lửa ga màu xanh; 01 bật lửa ga màu trắng không có phần đầu quẹt; 01 bật lửa ga gãy phần đầu gắn ống kim loại; 01 đoạn ống nhựa có 01 đầu hàn, 01 đầu cắt xéo; 01 đoạn ống nhựa có 02 đầu bị cắt; 01 đoạn ống nhựa màu trắng bị xé rách; 01 đoạn ống nhựa có 01 đầu bị xé rách, 01 đầu hàn kín là vật không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone màu đỏ của **Nguyễn Đức D** là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 thẻ căn cước công dân số 054098006220 mang tên **Nguyễn Đức D**; 01 thẻ căn cước công dân số 054203005729 mang tên **Huỳnh Đại N**; 01 điện thoại di động Iphone màu vàng đồng của **Huỳnh Ngọc V**; 01 điện thoại Iphone loại 6 Plus của **Nguyễn Ngọc H1** là vật không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho chủ sở hữu.

[6] Về án phí: Các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Tuyên bố:** Các bị cáo **Nguyễn Đức D**, **Huỳnh Ngọc V**, **Huỳnh Đại N** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm a, b, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

**Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Đức D** 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 20/6/2023.

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; **Xử phạt:** Bị cáo **Huỳnh Ngọc V** 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 20/6/2023.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; **Xử phạt:** Bị cáo **Huỳnh Đại N** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 20/6/2023.

**Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,040g ma túy Methamphetamine còn lại sau giám định đã được niêm phong; 01 (một) chai nhựa trong suốt gắn nắp nhựa màu đỏ, bên trong có ống nhựa màu cam, trên nắp chai gắn 01 (một) ống hút nhựa màu trắng và 01 (một) nõ thủy tinh có bầu nõ hình cầu; 03 (ba) kéo kim loại, 01 (một) bấm chỉ kim loại cán nhựa màu đỏ; 01 (một) cây kim loại có đầu nhọn; 01 hộp màu xám có dây kéo; 01 (một) bật lửa ga màu đỏ; 01 (một) bật lửa ga màu xanh; 01 (một) bật lửa ga màu trắng không có phần đầu quẹt; 01 (một) bật lửa ga gãy phần đầu gắn ống kim loại; 01 (một) đoạn ống nhựa có 01 (một) đầu hàn, 01 (một) đầu cắt xéo; 01 (một) đoạn ống nhựa có 02 (hai) đầu bị cắt; 01 (một) đoạn ống nhựa màu trắng

bị xé rách; 01 (một) đoạn ống nhựa có 01 (một) đầu bị xé rách, 01 (một) đầu hàn kín.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Iphone màu đỏ của Nguyễn Đức D;

Trả cho bị cáo Nguyễn Đức D 01 (một) thẻ căn cước công dân số 054098006220 mang tên Nguyễn Đức D; trả cho bị cáo Huỳnh Đại N 01 (một) thẻ căn cước công dân số 054203005729 mang tên Huỳnh Đại N; Trả cho Huỳnh Ngọc V 01 (một) điện thoại di động Iphone màu vàng đồng; Trả cho Nguyễn Ngọc H1 01 (một) điện thoại Iphone loại 6 Plus.

Tất cả vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/01/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố T với Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

**Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Đức D, Huỳnh Ngọc V, Huỳnh Đại N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp T;
- Chi cục THADS Tp T;
- Công an Tp T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Tân Sang**